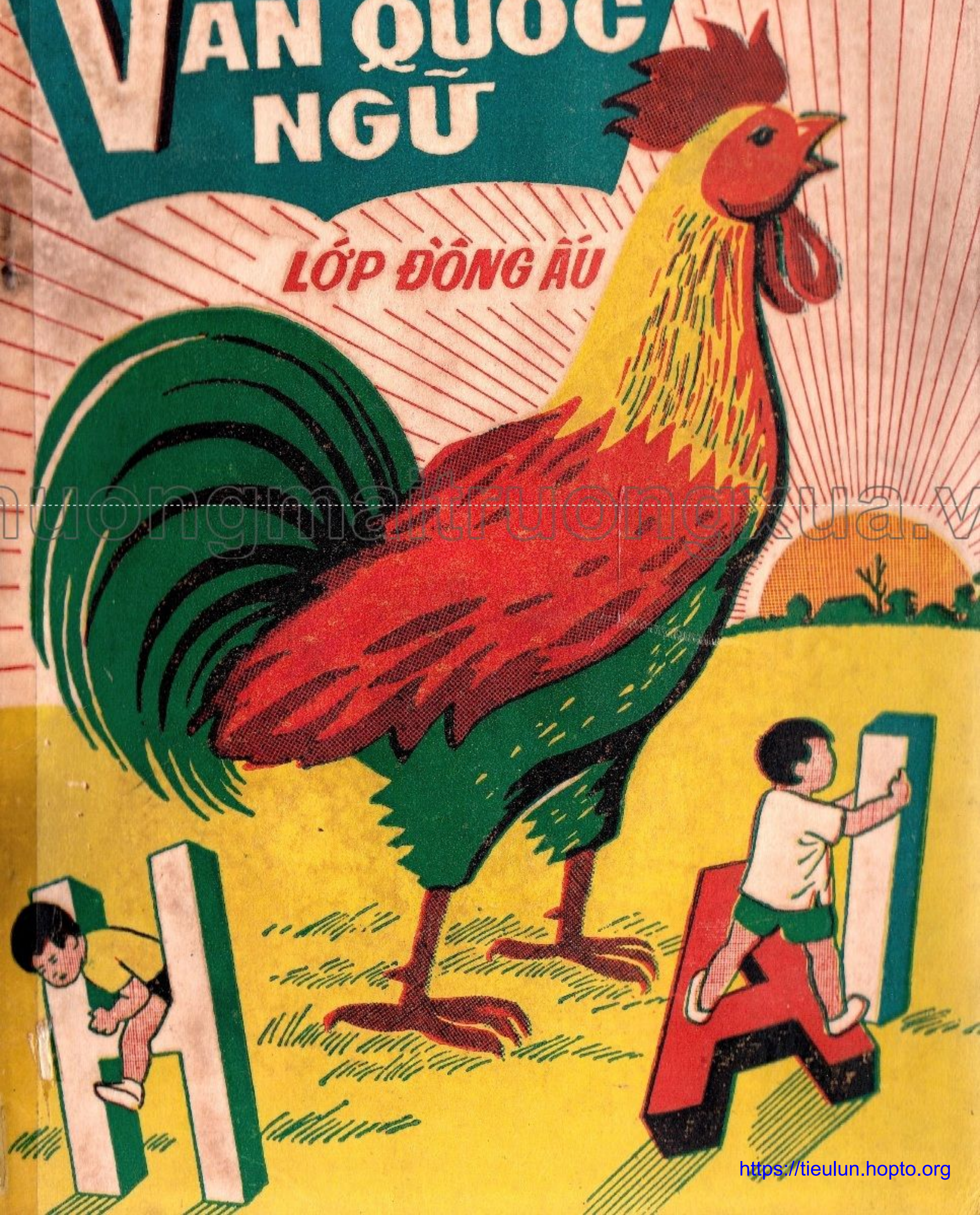


MỘT NHÓM GIÁO-VIÊN

VĂN QUỐC NGŨ

LỚP ĐỒNG ẤU



VĂN QUỐC - NGŨ

LỚP ĐỒNG - ẤU

thuongmaitruongxua.vn



LỜI NÓI ĐẦU

Quyển « VẦN QUỐC-NGŨ » lớp Đồng-Âu là sách soạn theo những đặc-điểm sau đây :

- 1*) Chúng tôi cố tránh những câu quá khô-khan, khó hiểu thay thế vào đó những câu thông-thường giản-dị, dễ hiểu, dễ nhớ ;
- 2*) Cố dùng những danh-từ có liên-quan mật-thiết đến đời sống trẻ em : những động-vật, đồ-vật mà các em thường nghe, thường thấy, thường nói và thường dùng ;
- 3*) Chọn lựa những bài học thuộc lòng, ca-dao phổ-biến nhất từ thành-thị chí thôn-quê ; thậm-chí có nhiều trẻ em chưa bước chân vào nhà trường mà đã thuộc lòng ;
- 4*) Các hình vẽ được trình-bày có mỹ-thuật, gợi cho trẻ em một hứng-thú vô cùng mãnh-liệt và cũng nhờ đó mấy em dễ nhớ vần và mặt chữ ;
- 5*) Ngoài ra còn có những bài học ôn. Đó là một trong những phương-pháp củng-cố ký-ức và ngừa tật hay quên của trẻ em.

Nếu quyển vần này có thể giúp ích được phần nào cho việc dạy Việt-Ngữ thì tưởng đó là cái phần thưởng tinh-thần mà chúng tôi mong đợi vậy.

Trong lúc xuất-bản quyển sách này, nếu còn chỗ nào thiếu sót hoặc sai lầm mong rằng các bạn đồng-nghiệp, vui lòng chỉ-giáo cho chúng tôi lấy làm đa-tạ.

SOẠN-GIÀ

BÀI THỨ 1

i i
đi học



u u
cái lu

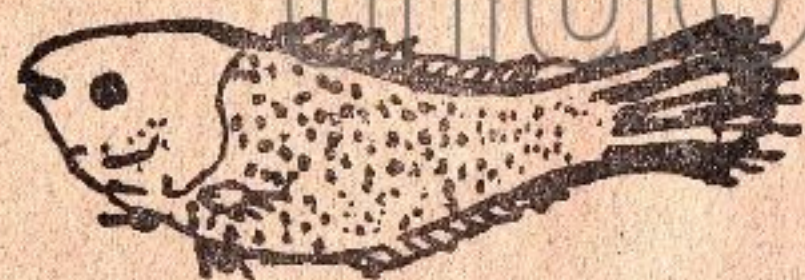
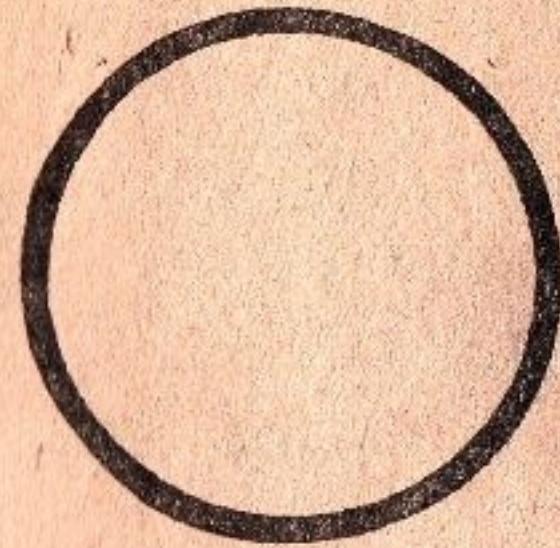
ư ư
cái lư



BÀI THỨ 2

o o

tròn vo

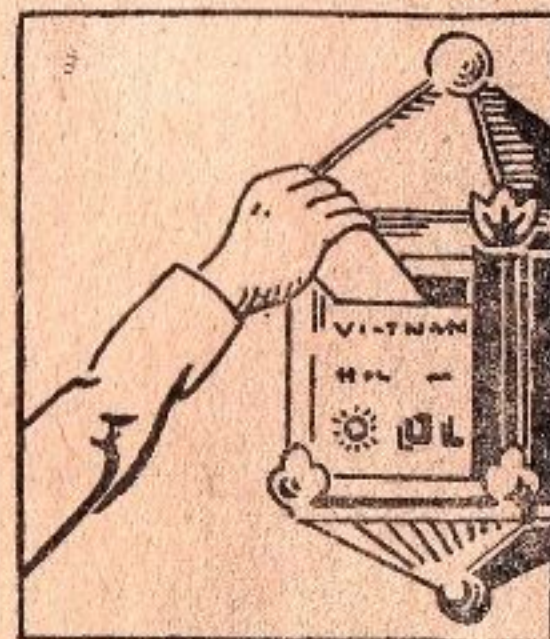


ô ô

cá rô

ơ ơ

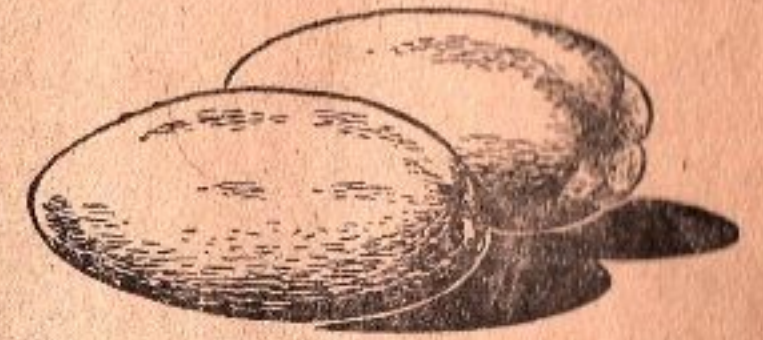
gởi thơ



BÀI THỨ 3

a A

cà-na



e E

trái me

ê Ê

con dê



y Y

cái ly

BÀI THỨ 4

năm dấu và sáu giọng

sắc huyền nặng hỏi ngã

i	í	ì	ị	ỉ	ĩ
u	ú	ù	ụ	ủ	ũ
ư	ư	ừ	ự	ử	ữ
o	ó	ò	ọ	ỏ	õ
ô	ồ	ơ	ơ	ơ	ơ
ơ	ớ	ơ	ơ	ơ	ơ
a	á	à	ạ	ả	ã
e	é	è	ệ	ẻ	ẽ
ê	ê	ê	ệ	ẻ	ẻ
y	ý	ỳ	ỵ	ỷ	ỹ

BÀI THỨ 5

(bài học ôn)

ò	e	ó	e	ò	e.
ừ,	ê,	á,	ò	ó	o.
ù	ơ,	ồ	ẻ,	ý	ệ.

BÀI THỨ 6

T t **L** l



tý té tý la

ta te tê ti ty to
tô tơ tu tư
la le lê li ly lo
lô lơ lu lư

lô tô - lu to - tò tí te - ly ở tử - tý té tý la.

BÀI THỨ 7

B b **H** h

ba be bê bi bo
bô bơ bu bư
ha he hê hi hy
ho hô hơ hư hư



bò tơ

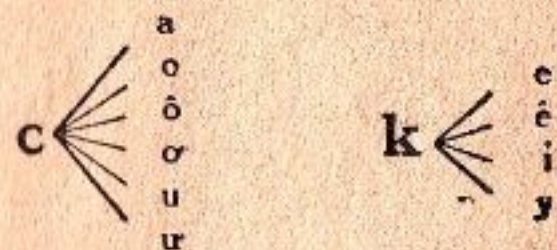
bó hẹ - bò tơ - ly bề - bỏ bí hư - bà ba ho -
be he he.

BÀI THỨ 8



cá ở hồ

C c **K** k



ca ke kê ki ky

co cô cơ cu cư

bà cổ — cũ kỹ — bé ca — cá ở hồ — tý té kệ tý
— bà ba có cà.

BÀI THỨ 9

D d **Đ** đ

da de dê di do

dô dơ du dư

đa đê đê đi đy

đo đô đơ đu dư



dù hư

da bò — dù hư — đi bộ — tý bẻ đu đủ — tô
cà đề ở đó.

BÀI THỨ 10

N n **M** m

na ne nê ni no

nô nơ nu nư

ma me mê mi my

mo mô mơ mu mư

lá me — cà na — bé no nê — tý mở tử — cò
mỏ cá — nô nó nó lạ.



cò mỏ cá

BÀI THỨ 11

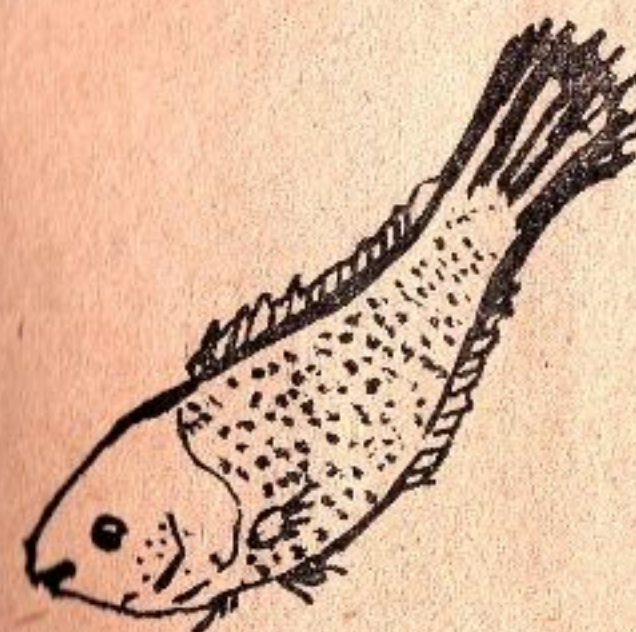
R r **S** s

ra re rê ri ro

rô rơ ru rư

sa se sê si sy

so sô sơ su sư



cá rô

cà rá — rô cá — số ba — sợ bò đá — bé sợ
ma — cá rô rẻ rề.

BÀI THỨ 12

X _x **V** _v

xa xe xê xì xo xô
xơ xu xư

va ve vê vi vy vo
vô vơ vu vư

ve ve - xỏ số - ta vẽ ở vở - xã xệ đi xe bò -
ba ở xa về.



ve ve

BÀI THỨ 13

(bài học ôn)

t l b h c k d đ

n m r s v x

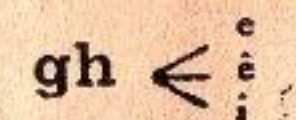
cá có kỳ - bà cổ đi bộ - ly để ở tủ - dê la
be he he - bé té tô mì đồ bể - nó đi ra đi
vô - nó sẽ đi xa - ta về xứ ta.

BÀI THỨ 14

G _g **GH** _{gh} **GI** _{gi}



gà cồ



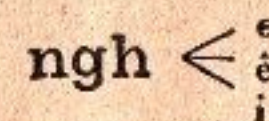
ga ghe ghê ghi go
gô gơ gu gư

gia gie giê gi (gi-i) gio
giò giờ giu giữ

ba giờ - nó có ghẻ - ý ẹ! - gà cồ mổ gà
giò - vì lẽ gì để ghe đi? - để ghe đi vì có gió.

BÀI THỨ 15

NG _{ng} **NGH** _{ngh} **NH** _{nh}



tỷ để ý nghe ca

nga nghe nghe
nghỉ ngo ngô ngo ngu ngư



nhỏ té

bé ngủ như gà – tý để ý nghe ca.

nha nhe nhê
nhi nho nhô
nho như như

nghe nghe ngộ – ngả
ba ngả tư – nó nhớ
nhà – có lẽ ta nghĩ –

BÀI THỨ 16

CH *ch* **KH** *kh*

cha che chê chi cho
chô chơ chu chư
kha khe khê khi
kho khô khơ khu
khu



chó giữ nhà

chú như cha – chó giữ nhà – cá kho khô
– nhà lạ khó ở – khó vẽ chữ a, e – nó
ở dơ có chí.

BÀI THỨ 17

TH *th* **TR** *tr*



sư tử là thú dữ

tha the thê thi tho
thô thơ thu thư

tra tre trê tri tro trô
trơ tru trư

cá trê – thợ hồ – rở tre rẻ rề – sư tử là thú
dữ – nó thở khò khè – ở chợ cũ có đủ thứ trà.

BÀI THỨ 18

P *p* **PH** *ph* **Q** *q*
QU *qu*



quạ la : quạ ! quạ !

pha phe phê phi pho phô
phơ phu phư

qua que quê qui
quy quo quô quơ

phá phố cũ – quạ la : quạ ! quạ ! – mẹ nó pha cà-phê
– lỡ nghĩ ta đi về quê – bé ngủ quá giờ bị má quở.

BÀI THỨ 19

(bài học ôn)

**g gh gi ng ngh nh
ch kh tr th q qu p ph**

ghế bố — lá tre khô — chó tha giò gà — củ
nghệ — trẻ nhỏ phá quá — ba giờ chú đi ra ga
— bé ngủ quá giờ bị má quở.



xích đu

BÀI THỨ 20

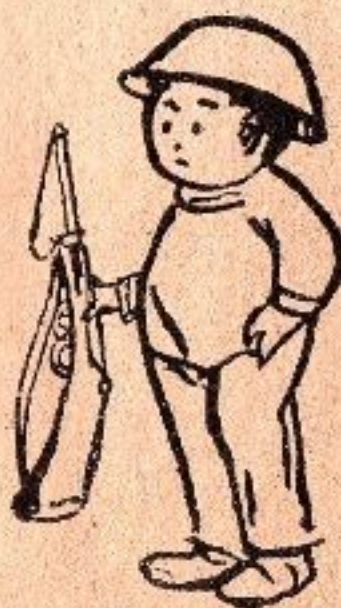
it ich

xích đu — thịt vịt — vỏ quýt the
— xích ra xích vô — tý bị đá
bịch bịch — tô bẻ để ở dít lu.

BÀI THỨ 21

in inh

tý đi lính — mít chín — bình tích
— sổ chín — bà bị bệnh — ba tin nó
— má tính đi chợ — cha mẹ sinh
ra ta.



tý đi lính

BÀI THỨ 22

ip im

ồ chim — chìm ghe — chú
thím đi chợ — mẹ ta tìm
kim chỉ — đi lẹ cho kịp xe
— ít có dịp đi mỹ tho.



ồ chim

BÀI THỨ 23

ia iu

cá lia thia — cà rá nhỏ xiu
— nó đi kìa kìa — bìa vở
có hình — chịu khó đi bộ
— bẻ mía chia ba.



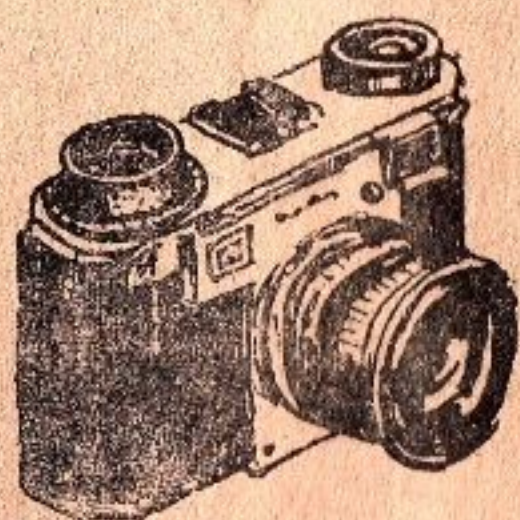
cá lia thia

BÀI THỨ 24

(bài học ôn)

**it ich in inh
ip im ia iu**

chim se sẻ — cha mẹ sinh ra ta — bà ít khi
đi chợ — đồ thịt kho thiêu — ít có dịp đi về
quê — xẻ đu đủ chín chia cho tý và bé.



máy chụp hình

BÀI THỨ 25

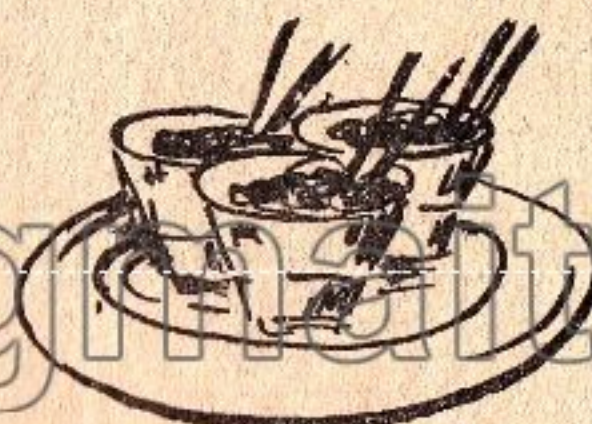
uc ut up

chụp hình — mứt ghê — cục
đá — chờ nó chút xíu — khúc
mía cụt quá — mức ba tô chè
— giúp đỡ cha mẹ.

BÀI THỨ 26

un ung um

ba tô bì bún — chun vô mừng
ngủ — chớ la um sùm — sùng
nở dùng dùng — gò má dính
bùn — chúng ta về đúng giờ.



ba tô bì bún

BÀI THỨ 27

ua uơ

vỏ cua — nhà của nó ở xa —
ba đi chợ mua lúa — thuở nhỏ
ta ở nhà quê — nó lừa vịt
về nhà bị chó sủa.



con cua

BÀI THỨ 28

ui uy uê

lỗ mũi — trà huế — nó tuy nhỏ
mà dũ — khuy nút — tý đá
thúy bị thúy xô té — cô xử
huê — xui quá.



lỗ mũi

BÀI THỨ 29

(bài học ôn)

uc ut up un ung um

ua uơ ui uy uê

khuy nút — đủ thứ thuốc — chỗ sửa um sùm — bỏ
quít vô túi — giúp đỡ kẻ khổ sở — bẻ mía chia
ra ba khúc — thúng bún đổ ở lề lộ — thuở nhỏ
nó ở nhà quê.

BÀI THỨ 30

uc ut

bình mực — khô mực — bức
thơ — bé đã thức — má đi
chợ mua mứt bí — bé bút
đốt chỉ của má.



bình mực

BÀI THỨ 31

ưn ưng ư



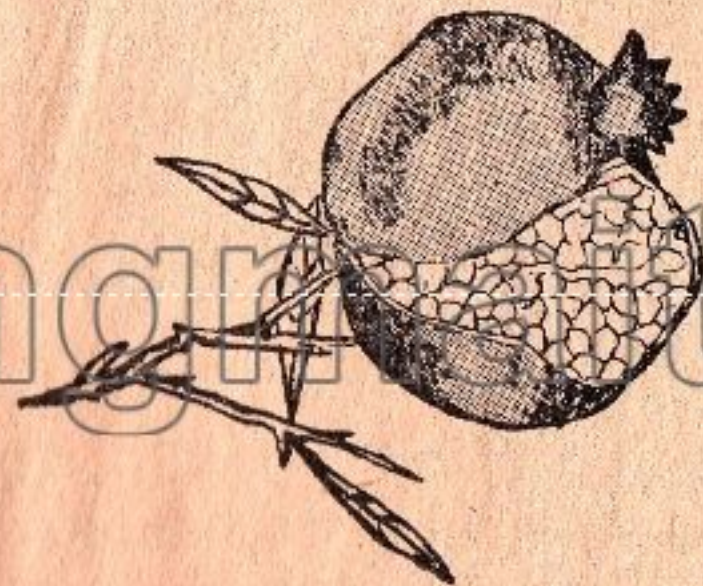
dê có sừng

sữa bò — trứng gà — chun
ghế — dê có sừng — sư tử
ở rừng — rửa tô cho kỹ —
mở cửa cho gió vô — chị đi
chợ chưa về.

BÀI THỨ 32

ưi ư

quả lựu — mùi thúi khó
ngửi — cứu giúp kẻ đuối
mù — nó gửi thư cho ba
má nó — nó chửi dì mà
dì tha nó.



quả lựu

BÀI THỨ 33

(bài học ôn)

ưc ưt ưn ưng ư

chun tử — sữa chửi chị bị ba quở — nực quá,
mở cửa cho gió vô — đĩa mút gừng — xe lửa
chở ngựa và lừa — quả lựu đỏ quá.

BÀI THỨ 34

oc ot op



cọp

dữ như cọp — mía ngọt
— chữ ta dễ đọc — học
trò đi học — tý nghe
chim hót — bé khóc hu hu — góp vở cho cô.

BÀI THỨ 35

on ong om

thả bong bóng — học trò đá lon —
nó bị ong chích khóc hu hu — bóp
họng nó la om sòm — ở nhà quê
có con đom đóm.



thả bong bóng

BÀI THỨ 36

oi oa oe



voi nói khỉ giỏi

con voi có vòi — gói mít
— đừng khoe giỏi — đi
ra nhớ khóa cửa — giữ
gìn sức khỏe — trẻ con
khóc oa oa.

BÀI THỨ 37

ôc ôt



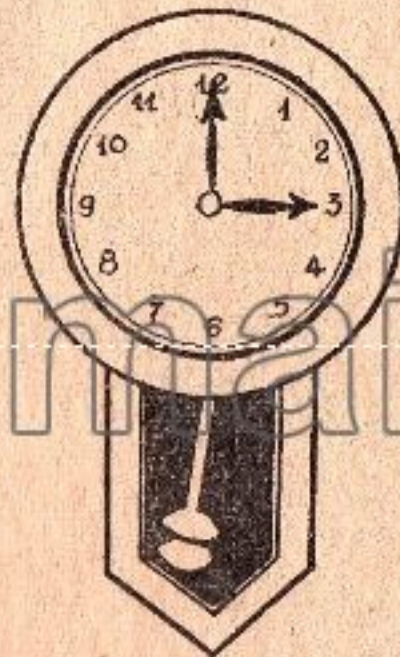
con ốc

con ốc — học trò tốt — mốt
nó đi về quê — thợ mộc đóng
đinh — tý để hột vịt trong rổ —
gõ mõ cốc cốc.

BÀI THỨ 38

ôn ông ôm

con tôm — con chồn — ốm như
cò ma — đồng hồ gõ ba giờ
— hôm qua không có mưa —
bé chôn con đế ở gốc me.



đồng hồ gõ ba giờ

BÀI THỨ 39

ôi ôp



vịt lội bờ sông

chối lông gà — ông nội bà
nội — vịt lội ở bờ sông —
đẻ hộp sữa trong tủ — tôi
mua xôi — gõ cửa cộp cộp.

BÀI THỨ 40

ơn ơm



quả thơm

quả thơm — lộ trơn coi chừng
té — đi học sớm quá không
tốt — ơn cha mẹ lớn hơn núi
— lúc đói cơm quý hơn ngọc.

BÀI THỨ 41

ơi ơt ơp

hết tóc — tôi học lớp chót
— nó bị xe hơi đụng — tý
cố cục gồm mới — mực lợt
quá — trời chớp ở xa mà
nó sợ.



nó bị xe hơi đụng

BÀI THỨ 42

(bài học ôn)

oc ôc on ôn ơn ong ông
ot ôt ơt om ôm ơm op
ôp ơp ơi ôi ơi oa oe

chồi lông gà — thơm ngọt khế chua — ba mới
đi hớt tóc — ơn cha mẹ lớn hơn non — học ôn
dễ nhớ — dữ như cọp — đừng khoe giỏi — chìa
khóa để ở trong túi — hôm qua lính đi từng
tốp — thợ mộc đóng đinh — tôi với nó ở chung
một xóm.

BÀI THỨ 43

ac at ap

mua xe đạp — chó táp
giò gà — học trò ca hát
vui vẻ — trời nóng nực ta
có quạt — bác nó ác quá.



quạt

BÀI THỨ 44

an ang am



bảng đá

bảng đá — vàng như nghệ
— cam lớn hơn quýt — sáng
sớm tôi đi học — tan học
tôi về nhà — dì tám bán
cám ở chợ cũ.

BÀI THỨ 45

ach anh



đá banh

đá banh — bánh bò ngon quá —
xách dù ra đi — trống đánh thùng
thùng — sách vở giữ cho sạch —
canh chua chê canh bí không ngon.

BÀI THỨ 46

ai ay ao au

củ cải — đau bụng — học trò
trả bài — chú cháu phải giúp
nhau — xay lúa giã gạo —
máy bay có hai chong chóng.



củ cải

BÀI THỨ 47

(bài học ôn)

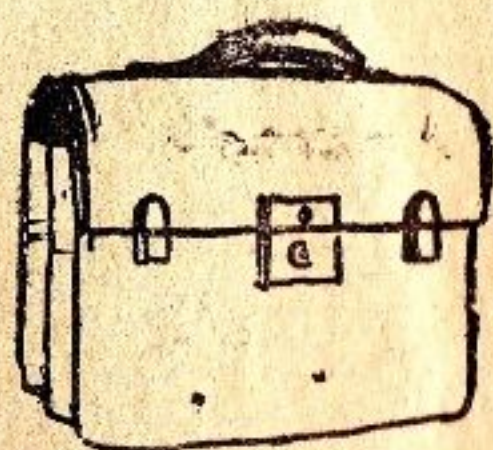
ac at ap an ang am

ach anh ai ay ao au

rạp hát — chọn bạn mà chơi — súng cao xạ —
nó chạy như bay — chú cháu phải giúp nhau —
bác tám làm lụng khó nhọc — làm phách bị ba
đánh — đáng đời.

BÀI THỨ 48

ă ăc ăt ấp



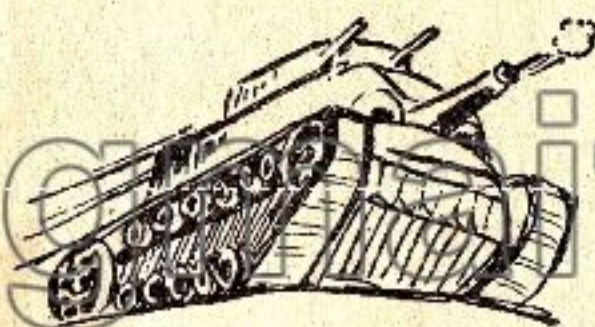
cặp da

cặp da — trái bắp — bà cho
bé ba cúc — cặp sách đi học
— sáng rửa mặt cho sạch sẽ
— móng tay dài phải cắt ngay.

BÀI THỨ 49

ăn ăng ăm

xe tăng — nó bị rắn cắn —
nhắm mắt lại ngủ — nó té
gãy cẳng — lớn mà còn đòi
ăn — mắc cỡ.



xe tăng

BÀI THỨ 50

à ăc ăt ấp



tập thể thao

đập đá bể nát — ngủ một
giấc thật ngon — ghế dài
tám tắc — tan học tôi lật
đật về nhà — học trò tập
thể thao.

BÀI THỨ 51

ân ăng âm



đốt pháo mùa lân

trái mận — đi chậm chậm —
đốt pháo mùa lân — sóng vỗ
ầm ầm — nâng đỡ lẫn nhau —
làm con phải vâng lời cha mẹ.

BÀI THỨ 52

ân ây

bồ câu — đi câu cá ở đâu?
— đông tây nam bắc — ba
có râu — trâu ăn cỏ ở đầu
câu — cấm đổ rác ở đây.



bồ câu

BÀI THỨ 53

(bài học ôn)

ă â ăc ăc ăt ăt ấp ấp ăn
ân ăng ăng ăm ăm âu ây

đông tây nam bắc — đi chậm chậm — trời nắng
chang chang — ăn cướp là tật xấu — làm con phải
vâng lời cha mẹ — chớ đánh đập súc vật — gần
nhà tôi có cây mận — nhắm mắt lại ngủ một
giấc thật ngon.

BÀI THỨ 54



chim én

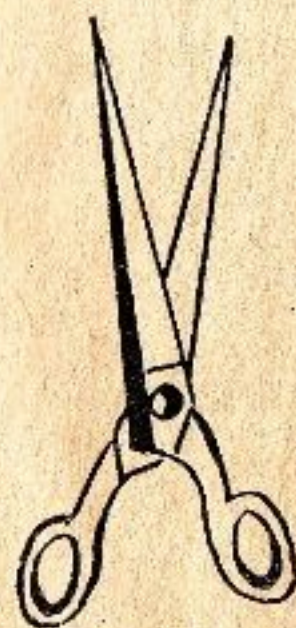
ec et en eng

chim én — bánh tét — thọc lét
— áo nó rách ten ben — nó
quét nhà không sạch — đê
bụng nó la en éc — leng keng.

BÀI THỨ 55

em ep eo

cây kéo — mèo mun — thịt heo
quay — em thềm nem — đầu nó có
thẹo — chép bài phải cẩn thận —
con cóc bị đập dẹp lép.



cây kéo

BÀI THỨ 56

êt êch êp êu

về quê ăn tết — ghé bố có
rệp — bé khóc meo máo —
nó sợ chết — tý vô bếp
tìm cơm nếp — ếch lội ở
mặt hồ.



ếch lội ở mặt hồ

BÀI THỨ 57

êm ên ênh

nhền nhện — cây kềm — ta tập
đếm : một, hai, ba — nó đi nghênh
ngang — bên này bên kia — đồng
lúa mênh mông — trời lạnh, ngủ
phải đắp mền.



nhền nhện

BÀI THỨ 58

(bài học ôn)

ec et êt êch en ên eng ênh ep êp em êm eo êu

bông sen đẹp lắm — heo la éc éc — em tôi quét

nhà — chị tôi ở nhà bếp nấu cơm nếp — tôi về
quê ăn tết — ban đêm ếch kêu inh ỏi — đồng
lúa mênh mông — nhều nhện — cái sừng.

BÀI THỨ 59

iêc iêt yêt ya



giặt gya áo dơ

giặt gya áo dơ — học trò
xem yêt thị — heo bị đâm
ở yêt hầu — nó căm mà
lại điếc — tỳ biết viết rồi.

BÀI THỨ 60

iên iêng
yên yêng iêp

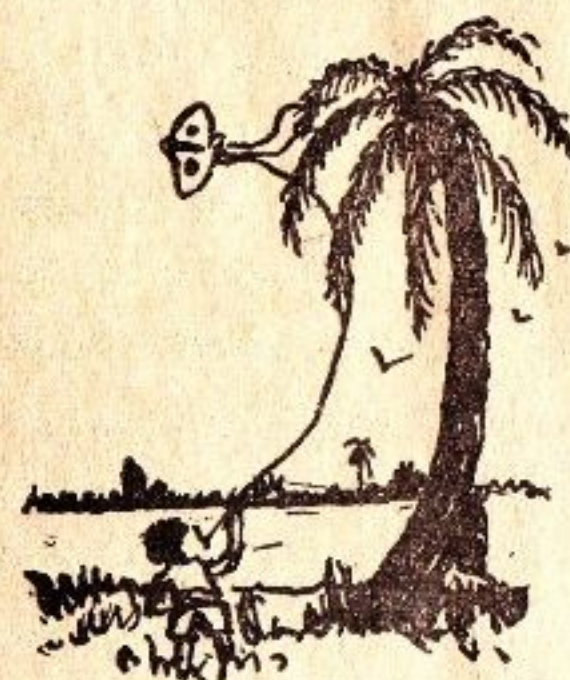
làm biếng như heo — ở biển
có sóng to gió lớn — chim
yềng — bình yên vô sự —
ba đang tiếp khách — phải
siêng năng làm việc.



làm biếng như heo

BÀI THỨ 61

iêu yêu iêm yêm



chiều thả diều ở bờ sông

má ra tiệm mua tiêu — chiều
ta thả diều ở bờ sông —
rán học thì thầy yêu bạn mến
— chị tôi âu yếm xoa đầu tôi
— nó bình mới hết còn yếu.

BÀI THỨ 62

(bài học ôn)

ya iêc iêt yêt iên yên iêng
yêng iêu yêu iêm yêm iêp.

giặt gya quần áo dơ — nó ngồi trên yên xe đạp —
chim yềng — em tôi mặc yếm — xem yêt thị — chớ
hiếp kẻ yếu — nó làm biếng có tiếng — làm việc
đúng giờ — tôi biết đọc rồi — nói ít nghe nhiều
— chú tư kiểm việc làm.

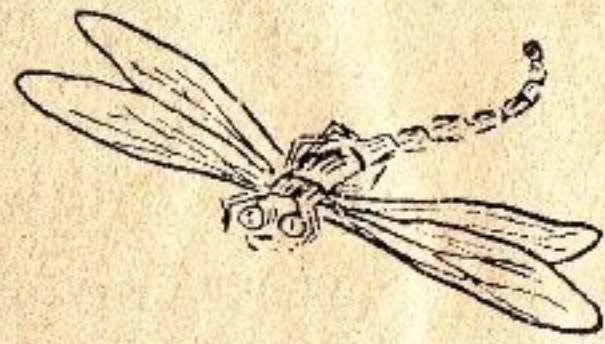
BÀI THỨ 63

uộc uột uôi

vần xuôi dễ học — không nên
hút thuốc — mèo rình chuột,
chuột chạy rụt luốt — ruồi
bu chuối — đi guốc sạch chân —
học thuộc bài rồi tôi mới đi ngủ.



mèo rình chuột



chuồn chuồn

uôn uông uôm

chuồn chuồn — nhuộm áo đen
thui — ghe buồm — đôi ăn
rau, đau uống thuốc — xuống
xuồng bơi đi chơi — tôi có
cuốn sách mới.

uọc uọt uơì uơp

trời mưa đất ướt — má ưa
ăn canh muối — chó cớp của
người — khi hay bắt chước
chó rượt tỷ treo lên cây —
bưởi biên hòa ngon nhất.



chó rượt, tỷ treo
lên cây

uơn uơng uơm uơu

con lươn — lưỡi gươm — đường
cát trắng — con bướm bướm
— cho tôi mượn tờ giấy chặm
— nửa lòn tôi không uống rượu
— trường học làng tôi ở cạnh
đình.



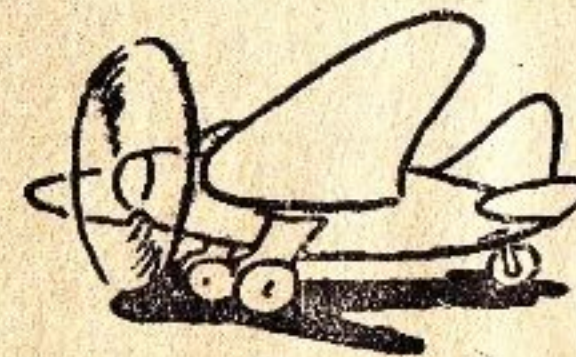
hoa và bướm bướm

uộc uột uọc uọt uôn uơn uông uơng uôm uơm uơu uơì uơì uơp.

hút thuốc uống rượu đều có hại — chuột ăn chuối
— đừng rượt em nhỏ — lấy lược chải đầu — chó
cớp của người — ở trong vườn bông có chuồn
chuồn và bướm bướm đậu — ở đầu đường này
có thợ nhuộm.

uân uâng uât uây

quần áo — một tuần có bảy
ngày — xa nhà lòng tôi băng
khuâng — chong chóng quay
vù vù — tôi khuấy sữa cho
em uống — nó bị đánh thật
uất — hàng rào che khuất



chong chóng quay vù vù
mình.

uyt uych uynh



xe ô tô buýt

xe ô tô buýt — nó họ huỳnh
— lính quỳnh có hại — nó
nguyt tôi — tôi suýt chút nữa
bị thầy rầy — chúng nó vật
nhau huỳnh huỵch.

uyêt uyên uyu uya

dây chuyền — tỷ diễn
thuyết — cháo huyết —
ở trong lớp đừng nói
chuyện — chị tôi thích
xem tiểu thuyết — ngỗ
đi khúc khuỷu — đêm
khuya gà gáy ó o.



tỷ diễn thuyết

uân uân uât uây uyt uych
uynh uyêt uyên uyu uya

đi chơi cho khuây khỏa — thuận buồm xuôi gió
— đường mòn khúc khuỷu khó đi — nó băng
khuâng nhớ mẹ — bà thuật chuyện đời xưa cho
chúng tôi nghe — khuya rồi mà còn bán cháo huyết
— chúng nó vật nhau huỳnh huỵch, suýt chút nữa
gãy chân.

oac oat oap oach

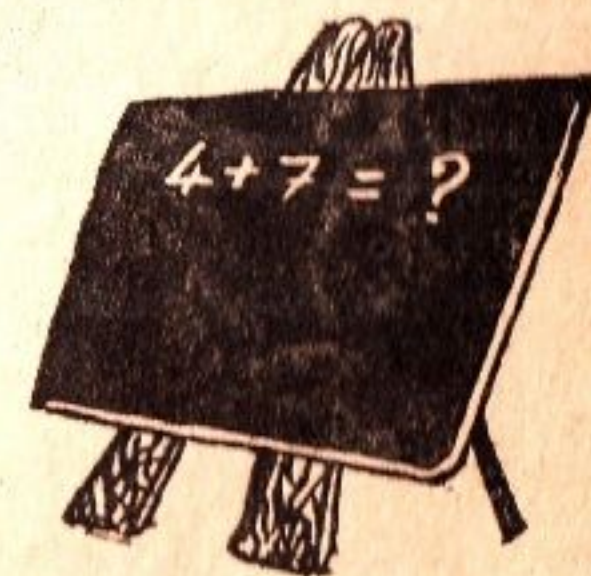


súng bắn từng loạt

đừng nói khoác — súng
bắn từng loạt — hả miệng
toác hoác — nó buồn ngủ
ngoáp — làm theo kế
hoạch — thâu hoạch được
nhiều.

oan oang oanh oam

đứng khoanh tay — ăn nói
đàng hoàng — sửa soạn đi
coi hát — hoảng hồn hoảng
vía — chó ngoạm cục xương
— bài toán này khó quá —
con chim oanh.



bài toán này khó quá

oai oay oao



mèo kêu ngoao ngoao

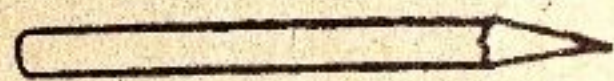
mèo kêu ngoao ngoao — ăn
khoai lang sống sình bụng —
ngoáy lỗ tai — đầu em tôi
có hai xoáy — nhà bà ngoại
tôi có cây xoài tượng.

oăn oăng oăm

nhánh ổi oăn xuống — liến thoắng
thì ai cũng ghét — chuyện oái
oăm — chó kêu oăng oăng —
cha mẹ bệnh, lòng tôi bần khoăn.



chó kêu oăng oăng

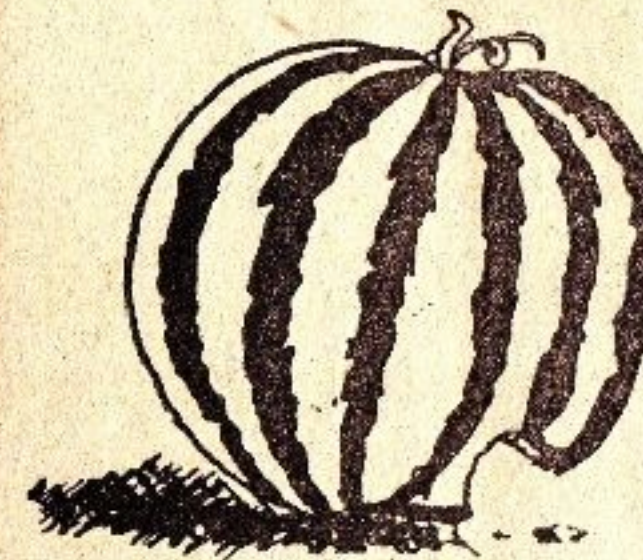


viết chì nhọn hoắt

oắc oắt uêch uênh

hoặc có hoặc không — chó ngoắt đuôi mừng chủ
— làm nguệch ngoạc cho lấy có — trò Bích ăn
mặc xuềnh xoàng — viết chì nhọn hoắt.

oet oen oeo



dưa hấu bị chuột khoét

ăn trâu đỏ hoét — cái
khoen sắt — dưa hấu bị
chuột khoét — quần áo
lòa loẹt — đường mòn
ngoắt ngoéo khó đi.

(bài học ôn)

oac oắc oạt oắt oap oach oan oăn oang oăng oam oăm oai oay oao oet oen oeo uêch uênh.

mèo kêu ngoao chuột hoảng hồn chạy tán loạn —
bà ngoại ngoáy trâu — hả miệng toác hoác — chó
ngoạm cục thịt — cá còn ngoáp — đứng khoanh
tay — làm theo kế hoạch — khỏe khoắn — gà
bị đập ngoẹo cổ — khoen sắt — quần áo lòa loẹt
— nó có tánh hay nghi hoặc — chữ viết loằng
ngoằng khó coi — tôi ngoắt nó mà nó không lại
— tính nết gì mà oái oăm thế.

1.— Cây sen (ca-dao)

Trong đầm gì đẹp bằng sen,
Lá xanh, bông trắng, lại chen nhị vàng.
Nhị vàng, bông trắng, lá xanh,
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

GIẢI NGHĨA.— Đầm = vũng nước to mà không sâu.— Nhị = phần ở giữa cái bông, có hương thơm. Có nơi gọi là cái nhụy.

CÂU HỎI.— 1) Sen thường mọc ở đâu ? — 2) Sen có mấy thứ ? — 3) Lá sen màu gì ? — 4) Bông sen màu gì ? — 5) Trò có thích bông sen không ?

2.— Khuyên học

Hỡi các cậu bé con !
Đang lúc tuổi còn non,
Các cậu phải chăm học.
Có học mới nên khôn.

GIẢI NGHĨA.— Khuyên học = khuyên bảo về việc học. — Hỡi = tiếng gọi ở đầu câu. — Tuổi còn non = còn ít tuổi. — Khôn = biết hay, dờ, phải, trái.

CÂU HỎI.— 1) Bài này khuyên ai ? — 2) Tuổi các em thế nào ? 3) Các em phải thế nào ?

3.— Tôi đi học

Năm nay tôi lên bảy tuổi. Tôi không chơi đùa lêu-lổng như mấy năm còn bé. Tôi đi học. Tôi học đọc, học viết, học tính, học vẽ và nhiều khoa học khác nữa.

Tôi cò tôi học. Tôi chăm tôi học, học sao cho mau tần tới cho « văn hay chữ tốt » cho cha mẹ và thầy giáo được vui lòng.

Q. V. G. K. T.

GIẢI NGHĨA.— Lêu-lổng = tha hồ chơi đùa không ai ngăn cấm. — Khoa học = các môn học dạy ở nhà trường như luân-lý, toán-pháp, địa-dư, sử-ký. — Tần tới = mỗi ngày một giỏi hơn lên. — Văn = chỉ các bài làm.

CÂU HỎI.— 1) Năm nay trò lên mấy ? — 2) Trò đi học được bao lâu rồi ? — 3) Trò học những gì ? — 4) Trò học làm sao ?

4.— Phải đi học (ca-dao)

Con tằm nhả tơ,
Con ong gây mật.
Người mà không học,
Không bằng con vật.

✍

5.— Học hành phải siêng năng

Nhỏ còn thơ dại biết chi.
Lớn rồi đi học, học thì phải siêng.
Theo đòi cũng thế bút nghiên,
Thua em kém chị cũng nên hồ mình.

GIẢI NGHĨA.— *Thơ dại* = ít tuổi chưa biết gì. — *Biết chi* = chưa biết gì. — *Siêng* = là chăm học, chăm làm. — *Bút nghiên* = bút là cái để viết, nghiên là cái để mài mực, đây bút nghiên nói về sự học hành. — *Hồ* = cũng nghĩa như tiếng thẹn.

CÂU HỎI.— 1) Trẻ em bé dại thì thế nào? — 2) Trẻ đã lớn rồi thì làm gì? — 3) Biếng học thì như thế nào?

6.— Giữ gìn sách vở

Học sách phải quý sách,
Sách vở giữ cho sạch.
Tờ giấy bao công-phu,
Chúng ta đừng để rách.

TÀN ĐÀ

GIẢI NGHĨA.— *Bao công-phu* = làm thành được tờ giấy thật khó và tốn nhiều công-phu mới được.

CÂU HỎI.— 1) Đi học phải quý gì? — 2) Quý sách phải làm thế nào? — 3) Làm tờ giấy có dễ không?

7.— Người học trò tốt

Anh Cẩn rất chăm chỉ. Bài học nào anh cũng thuộc. Bài làm nào anh cũng được thầy khen. Anh đi học đúng giờ. Trong lớp anh có ý-tức và dễ dạy. Anh lễ phép với thầy, tử-tề với bạn. Nên thầy và bạn, ai cũng có lòng yêu mến anh.

Anh Cẩn là một người học trò tốt. Tôi cò bắt chước theo cho được như anh Cẩn.

Q. V. G. K. T.

GIẢI NGHĨA.— *Ý-tức* = đề bụng nghĩ đến cái gì. — *Dễ dạy* = bảo cái gì nghe cái ấy.

CÂU HỎI.— 1) Anh Cẩn là người thế nào? — 2) Anh có những tánh tốt gì? — 3) Ta có nên bắt chước anh ấy không?

8.— Mèo trèo cây cau

« Con mèo, mầy trèo cây cau,
« Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà?
« Chú chuột đi chợ đường xa,
« Mua tôm, mua tép giỗ cha con mèo. »

Truyện cổ nước Nam

CÂU HỎI.— 1) Nhà trò có nuôi con mèo không? — 2) Trò biết mấy thứ mèo? thử kể ra xem? — 3) Người ta nuôi mèo để làm gì?

9.— Anh em như thể tay chân.

Anh em nào phải người xa.
Cùng chung bác mẹ một nhà cùng thân.
Yêu nhau như thể tay chân.
Anh em hòa-thuận hai thân vui vầy.

Q. V. G. K. T.

GIẢI NGHĨA.— *Bác mẹ* = cha mẹ. — *Thân* = gần-gắn thiết-tha.
— *Hai thân* = cha mẹ.

CÂU HỎI.— 1) Anh em phải yêu nhau như thế nào? — 2) Anh em hòa-thuận thì cha mẹ làm sao? — 3) Những người cùng chung cha mẹ là ai? — 4) Anh em là người xa hay gần?

10.— Yêu-mến cha mẹ.

Sáng nay lúc tập viết xong, tôi lại thăm bà tôi.
Bà tôi nắm lấy tay tôi mà hỏi rằng:
— Cháu có yêu cha mẹ cháu không?
— Cháu có yêu.
— Tại sao mà yêu?
— Cháu biết rồi, hôm qua thầy giáo mới dạy rằng: Cha mẹ sinh ra con, nuôi cho con lớn, lại chăm lo cho con học, vậy kẻ làm con phải biết kính yêu cha mẹ.

Q. V. G. K. T.

GIẢI NGHĨA.— *Thăm* = hỏi han ân-cần. — *Sinh* = đẻ ra.

CÂU HỎI.— 1) Bà hỏi cháu thế nào? — 2) Cháu trả lời ra sao?
3) Vì sao con phải kính yêu cha mẹ?

11.— Học trò đối với thầy.

Ở trường học, thầy dạy gì tôi phải nghe, thấy bảo gì tôi phải làm. Tôi vâng lời thầy. Lúc vào học, lúc học về, tôi phải chào thầy. Cả những khi gặp ở giữa đường, hoặc ở nhà ai, tôi cũng phải vái chào cho có lễ phép.

Tôi thật có bụng kính mến thầy tôi, chẳng khác gì kính mến cha mẹ vậy.

Q. V. G. K. T.

GIẢI NGHĨA.— *Vâng lời* = bảo sao nghe vậy. — *Vái* = chắp tay cúi xuống. Có nơi gọi là xá.

CÂU HỎI.— 1) Ở trường ai dạy bảo trò? — 2) Trò đối với thầy phải như thế nào? 3) Phải kính mến thầy như kính ai?

12.— Cầu mưa

Lạy trời mưa xuống!
Lấy nước tôi uống,
Lấy ruộng tôi cày.
Lấy đầy bát cơm,
Lấy rơm đun bếp.

Q. V. G. K. T.

GIẢI NGHĨA.— *Cầu mưa* = xin trời cho mưa. — *Lấy ruộng tôi cày* = ý nói có mưa để cày ruộng.

CÂU HỎI.— 1) Trong bài này vì sao phải lạy trời? — 2) Xin trời cho mưa để làm gì?

13.— Việc cày cấy (ca-dao)

Rủ nhau đi cày, đi cấy,
Bây giờ khó nhọc có ngày phong-lưu.
Trên đồng cạn dưới đồng sâu,
Chồng cày vợ cấy con trâu đi bừa.

GIẢI NGHĨA.— *Phong-lưu* = đủ ăn đủ xài.— *Đồng cạn* = đồng đất cao không có nước.— *Đồng sâu* = đồng đất thấp thường hay có nước.

CÂU HỎI.— 1) Người ta đi cấy ở đâu? — 2) Người ta cày bằng gì? — 3) Trong bài này nói ai cày ai cấy? — 4) Con trâu làm gì?

14.— Người đi cấy (ca-dao)

Người ta đi cày lầy công,
Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề:
Trông trời, trông đất, trông mây,
Trông mưa, trông gió, trông ngày, trông đêm.
Trông cho chân cứng, đá mềm,
Trời êm bể lặng mới yên tâm lòng.

GIẢI NGHĨA.— *Trông* = mong mỏi, ao ước.— *Chân cứng, đá mềm* = tục-ngữ, ý nói được khỏe mạnh để làm công việc.
— *Yên tâm lòng* = khỏi phải lo sợ.

CÂU HỎI.— 1) Mạ để làm gì? — 2) Thế nào gọi là cấy.

15.— Con cò mà đi ăn đêm (ca-dao)

Con cò mà đi ăn đêm,
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao.
Ông ơi ông vớt tôi nao!
Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng,
Có xáo thì xáo nước trong.
Đừng xáo nước đục đau lòng cò con.

GIẢI NGHĨA.— *Lộn cổ* = rơi đầu xuống.— *Vớt* = lôi ở dưới nước lên.— *Xáo măng* = nấu lẫn với măng.

CÂU HỎI.— 1) Lòng cò màu gì? — 2) Các trò biết mấy thứ cò? — 3) Giống cò ăn ở đâu và ăn những gì?

16.— Con trâu với người đi cấy (ca-dao)

Trâu ơi ta bảo trâu này:
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.
Cày cấy vốn nghiệp nông gia,
Ta đây trâu đây ai mà quản công?
Bao giờ cây lúa còn bông,
Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.

GIẢI NGHĨA.— *Nghiệp nông gia* = công việc của nhà làm ruộng.
— *Quản công* = ý nói làm ăn khó nhọc mà không ngại.

CÂU HỎI.— 1) Trong bài người ta bảo con trâu đi làm gì?
— 2) Nhà làm ruộng cốt làm những công việc gì?

17.— Trường học làng tôi

Trường học làng tôi ở cạnh đình.
Một trường ba lớp vẻ xinh xinh.
Trước trường có mấy cây đào lớn,
Thường quyền lòng tôi những cảm tình.

Trường tôi vách đất lợp bằng tranh,
Hai buổi kêu tôi đèn học-hành.
Tiếng trống mỗi lần vang dưới xóm,
Mẹ tôi liền bảo : « Hãy đi nhanh ! »
Trường tôi mặt trước ngó ra sông,
Còn mặt đằng sau ngó quãng đồng.
Phía ấy thấy tôi thường hỏi hướng,
Tôi vòng tay đáp : « Dạ phương đông ! »

(còn nữa)

GIẢI NGHĨA.— *Vang* = kêu dội thật lớn. — *Quảng* = khoảng.
— *Vòng tay* = khoanh tay.

CÂU HỎI.— 1) Trường học mà trò đang học có mấy lớp ? —
2) Vách trường làm bằng gì ? Nóc trường lợp bằng gì ? —
3) Mỗi ngày trò học mấy buổi ?

18.— Trường học làng tôi (tiếp theo)

Thấy tôi tấm thước mảnh và cao,
Cặp mắt long-lanh má nhuộm đào.
Mái tóc hơi quăn cảm hơi nhọn,
Nụ cười thường lẫn tiếng khao-khao.

Sau bao năm học ở trường quê,
Tôi thầy trong lòng đã mở mang.
Tôi biết con bò loài nhai lại,
Và tin trời đất rộng thênh thang.
Hôm nay thôi học ở trường quê,
Nhớ lại lòng tôi cảm nặng nề,
Nhớ buổi thu sương buồn ảm-đạm,
Trông trường vang động phía sau đê.

THANH-TỊNH

GIẢI NGHĨA.— *Tấm-thước mảnh* = nói vóc người ốm yếu. —
Long-lanh = chiếu sáng. — *Mở-mang* = hiểu biết nhiều thêm.
— *Rộng thênh-thang* = rộng rãi lắm. — *Ảm-đạm* = buồn rầu.

CÂU HỎI.— 1) Hình vóc thầy của trò ra sao ? 2) Người có yêu trò không ? 3) còn trò có kính yêu thầy không ?

19.— Học quốc-ngữ

TÝ : Anh đi đâu đây ?

SỬU : Tôi đi học đây.

TÝ : Anh đi học tự bao giờ, anh học cái gì ?

SỬU : Tôi đi học đã được vài tháng nay. Tôi học quốc-ngữ.

TÝ : Quốc-ngữ là cái gì ?

SỬU : Khôn nạn ! Anh không biết quốc-ngữ là chữ nước của ta ư ? Học quốc-ngữ thú lắm anh ạ. Mới có mấy tháng nay mà giấy-má gì tôi đọc cũng chạy, và ai nói gì tôi cũng viết được.

TÝ : Ô thề à ! Thề thì để tôi về nói với cha mẹ tôi cũng cho tôi ra trường học.

GIẢI NGHĨA.— Quốc-ngữ = chính-nghĩa là tiếng nói riêng của một nước. Nhưng ở đây chỉ lối chữ của nước ta dùng thay chữ nôm.

CÂU HỎI.— 1) Trò đi học được mấy tháng ? — 2) Hiện giờ, trò biết đọc và biết viết chưa ?

20.— Học quốc-ngữ

Sách quốc-ngữ,
Chữ nước ta.
Con cái nhà,
Đều phải học.

TÀN-ĐÀ

★ Hoàn-Toàn HÈN MAY

★ Hoàn-Toàn MỚI

Tết Nguyên-đán mỗi năm có xuất-bản :

Lịch Á - Đông hình Phật Thích - Ca
Lịch Việt-Nam hình Phật Bà Quan-Âm

Gồm có những đặc-điểm dưới đây :

- Lịch in trên giấy tốt.
- Năm Dương-Lịch, ngày chủ nhật chữ đỏ.
- Lịch gỏ vào giờ Giao-Thừa đầu mùa Xuân mỗi năm
- Ngày mừng 1 tờ lịch màu đỏ, có Trúc-Mai. Mừng 2 mừng 3 cũng đỏ, có bông hoa, lồng đèn, đốt pháo, ông địa và múa lân, v.v...
- **NÊN :** Cúng tế, Cầu nguyện, Khai trương. Mở cửa hàng, Xuất-hành buôn bán, Làm giao-kèo. Đính hôn, Hỏi vợ, Cưới gã, móc mươn, đào giếng, đắp nền nhà, dời chỗ, Cất nhà, Dựng cột, Gác đòn-dông, Động đất, v.v...
- **CŨ :** Có ghi rõ những việc không nên làm.
- **GHI CHÉP :** Danh ngôn, Tục-ngữ, Ca-dao và khảo-cứu nhiều bài hay, v.v...

Tổng phát hành

254, Đại-lộ Khổng-Tử (Chợ Lớn cũ) 254

TẬP ĐỌC
QUỐC-NGŨ MỚI

Sách giáo-khoa đọc đúng, viết đúng,
hỏi ngã phân minh.

Giá : 20\$00

LỤC-HUYỀN-CẨM

Tự học đàn 6 câu Vọng-Cổ
và dạy ca 6 câu Vọng-Cổ.

- Dễ học.
- Chắc chắn đúng nhịp.
- Đàn ca mau thành-công.

Sơn-giã : **VIỄN-CHÂU** (Bảy Bà)

Giá : 25\$00

ÂM-NHẠC THỰC-HÀNH

Phương pháp tự học đàn

BANJO và MANDOLINE

do nhạc-sư Nguyễn-trường-Xuân tự NAM-PHONG
dạy công biên-soạn, dễ học mau biết đàn giỏi

Giá : 25\$00

KIM-VÂN-KIỀU

NGUYỄN - DU

Truyện tân biên (10 hồi — 50 chương)

Loại bỏ túi.

Giá : 20\$00